

Mã đề: 101

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là?

- A. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.
- B. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
- C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh
- D. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.

Câu 2: Hiện nay, nhiều nơi ở tỉnh K người nông dân bỏ tiêu trồng chanh dây xuất khẩu vì loại cây này có giá cao trên thị trường. Trong trường hợp này, người nông dân đã căn cứ vào chức năng nào của thị trường để chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

- A. Chức năng thừa nhận.
- B. Chức năng thước đo giá trị.
- C. Chức năng điều tiết sản xuất.
- D. Chức năng thông tin.

Câu 3: Thị trường có những chức năng cơ bản nào?

- A. Chức năng thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- B. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- C. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế, chức năng thừa nhận.
- D. Chức năng thừa nhận, thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.

Câu 4: Để thu được nhiều lợi nhuận, cửa hàng X đã nhập một số hàng hóa không rõ nguồn gốc rồi dán nhãn mác giả vào. Việc làm của cửa hàng X thể hiện nhược điểm gì của cơ chế thị trường?

- A. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh.
- B. Tiềm ẩn rủi ro, gây rối loạn thị trường.
- C. Khủng hoảng, suy thoái, đầu cơ tích trữ.
- D. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.

Câu 5: Quan điểm nào dưới đây đúng về ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoản thời gian nhất định.
- B. Ngân sách nhà nước là công cụ duy nhất để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp để chi dùng cho các mục đích đã có trong kế hoạch.
- D. Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia để dự phòng thiên tai, dịch bệnh.

Câu 6: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở pháp lý nào ?

- A. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước.
- B. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.
- C. Luật Bồi thường nhà nước.
- D. Luật Ngân sách nhà nước.

Câu 7: Hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là gì?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động tiêu dùng.
- C. Hoạt động trao đổi.
- D. Hoạt động phân phối.

Câu 8: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu, chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp.
- B. Không hoàn trả trực tiếp.
- C. Hoàn trả theo từng đối tượng.
- D. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.

Câu 9: Giá cả thị trường là

- A. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi người bán trong từng thời điểm cụ thể.
- B. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi nhà nước trong từng giai đoạn nhất định.

C. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.

D. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được quy định bởi người bán.

Câu 10: Bà T mang rau sạch nhà trồng ra bán, được nhiều người lựa chọn và tranh nhau mua. Trong trường hợp này thị trường đã thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Chức năng thước đo giá trị.

B. Chức năng thừa nhận.

C. Chức năng thông tin.

D. Chức năng điều tiết sản xuất.

Câu 11: Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế được gọi là gì?

A. Giá cả hàng hóa.

B. Thị trường.

C. Giá cả thị trường.

D. Cơ chế thị trường.

Câu 12: Việc con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt là hoạt động kinh tế nào?

A. Hoạt động trao đổi.

B. Hoạt động sản xuất.

C. Hoạt động tiêu dùng.

D. Hoạt động phân phối.

Câu 13: Phân phối-trao đổi là hoạt động có vai trò

A. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.

B. là động lực kích thích người lao động.

C. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.

D. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp.

Câu 14: Vai trò của chủ thể Nhà nước thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.

B. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất và người tiêu dùng trong nền kinh tế.

C. Quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế.

D. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 15: Trong nền kinh tế của nước ta, đâu là hoạt động cơ bản đóng vai trò quyết định các hoạt động còn lại?

A. Hoạt động trao đổi.

B. Hoạt động phân phối.

C. Hoạt động sản xuất.

D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 16: Việc các nhà phân phối hàng hóa mua, trữ hàng và bán lại cho các đại lý hoặc nhà bán lẻ giúp lưu thông hàng hóa hiệu quả thể hiện đặc điểm của chủ thể nào trong nền kinh tế.

A. Chủ thể tiêu dùng.

B. Chủ thể nhà nước.

C. Chủ thể trung gian.

D. Chủ thể sản xuất.

Câu 17: Anh K là chủ của một công ty chuyên sản xuất hàng may mặc, hàng ngày anh đến công ty giám sát và hướng dẫn nhân viên cách làm ra sản phẩm chuẩn. Sản phẩm của công ty anh K được rất nhiều người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Trong trường hợp trên, anh tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

A. Chủ thể trung gian.

B. Chủ thể tiêu dùng.

C. Chủ thể nhà nước.

D. Chủ thể sản xuất.

Câu 18: Đâu là nhận định **sai** khi nói về thị trường?

A. Chỉ có người tiêu dùng mới cần đến thị trường.

B. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán.

C. Là lĩnh vực trao đổi trao đổi, mua bán.

D. Người mua, người bán là một trong những nhân tố của thị trường.

Câu 19: Chủ thể nào sau đây có quyền sở hữu các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

A. Chủ tịch nước.

B. Nhà nước.

C. Chủ tịch Quốc hội.

D. Thủ tướng chính phủ.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ, sinh viên sư phạm được miễn học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/ tháng. Chính sách này đã tạo điều kiện cho nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vào học ngành sư phạm theo sở thích để phát huy năng lực của mình. Bên cạnh việc được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước, các sinh viên còn biết lập kế hoạch tài chính cá nhân để đảm bảo

cuộc sống và điều kiện học tập thông qua việc xác định mục tiêu, tình hình tài chính, thiết lập quy tắc thu chi và tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.

Câu 20: Nguồn hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm trong thông tin trên được trích từ

- A. ngân sách nhà nước.
- B. quỹ tài chính của nhà trường.
- C. quỹ nhân đạo của địa phương.
- D. ngân hàng thương mại.

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện tầm quan trọng về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của sinh viên trong thông tin nêu trên?

- A. Chủ động về tài chính của bản thân.
- B. Dự phòng tài chính giúp tự chủ trong cuộc sống.
- C. Cân đối được các khoản chi cần thiết.
- D. Cắt các khoản chi thiết yếu để đầu tư cho học tập.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước, được lập, phê chuẩn và thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quản lý quốc gia. Nguồn thu ngân sách nhà nước chủ yếu từ các loại thuế, phí, lệ phí, lợi nhuận từ các doanh nghiệp nhà nước, và các khoản vay trong và ngoài nước. Các khoản chi ngân sách chủ yếu để phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng và trả nợ công.

- a) Ngân sách nhà nước được tạo thành từ các khoản thu như thuế, phí, và lệ phí.
- b) Chi ngân sách nhà nước bao gồm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và trả nợ công.
- c) Tất cả các khoản thu của ngân sách nhà nước đều là từ vay nợ nước ngoài.
- d) Ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản chi cho giáo dục và y tế.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến dược liệu liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo hợp đồng, công ty đầu tư vốn ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho các hộ gia đình với mức giá cố định. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, nhờ đó doanh thu không ngừng tăng, tiền thuế nộp cho nhà nước ngày càng nhiều, các hộ gia đình được cải thiện về thu nhập. Tuy nhiên, khi giá cả sản phẩm dược liệu tăng lên, một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp dược liệu cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn.

- a) Chính quyền địa phương đã thể hiện vai trò là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.
- b) Việc liên kết giữa công ty với người dân góp phần tăng thêm thu nhập là thể hiện vai trò của sản xuất kinh doanh.
- c) Các hộ gia đình tự đầu tư vốn ban đầu.
- d) Trong thông tin, một số hộ dân bán dược liệu cho thương lái với giá cao hơn nhằm thu nhiều lợi nhuận là việc làm đúng đắn.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản phẩm thời trang của một doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận do mẫu mã đẹp chất lượng tốt. Trước sự cạnh tranh gay gắt của các hãng thời trang khác, doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhằm duy trì hoạt động, doanh nghiệp đã sử dụng nhãn mác của một thương hiệu thời trang nổi tiếng khác gắn vào sản phẩm của mình và đưa ra thị trường tiêu thụ.

- a) Sản phẩm của doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.
- b) Việc doanh nghiệp sử dụng nhãn mác của thương hiệu nổi tiếng gắn vào sản phẩm của mình trong thông tin là phù hợp.
- c) Để giải quyết tình trạng khó khăn trong bối cảnh trên, doanh nghiệp cần tiến hành mở rộng quy mô sản xuất.
- d) Doanh nghiệp trên là chủ thể trung gian trong nền kinh tế đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.

----- HẾT -----

Mã đề: 102

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế được gọi là gì?

- A. Giá cả hàng hóa. B. Thị trường. C. Giá cả thị trường. D. Cơ chế thị trường.

Câu 2: Thị trường có những chức năng cơ bản nào?

- A. Chức năng thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
B. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
C. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế, chức năng thừa nhận.
D. Chức năng thừa nhận, thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.

Câu 3: Đâu là nhận định sai khi nói về thị trường?

- A. Chỉ có người tiêu dùng mới cần đến thị trường.
B. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán.
C. Là lĩnh vực trao đổi trao đổi, mua bán.
D. Người mua, người bán là một trong những nhân tố của thị trường.

Câu 4: Vai trò của chủ thể Nhà nước thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất và người tiêu dùng trong nền kinh tế.
B. Quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế.
C. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
D. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.

Câu 5: Hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là gì?

- A. Hoạt động sản xuất. B. Hoạt động phân phối.
C. Hoạt động trao đổi. D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 6: Bà T mang rau sạch nhà trồng ra bán, được nhiều người lựa chọn và tranh nhau mua. Trong trường hợp này thị trường đã thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Chức năng thừa nhận. B. Chức năng điều tiết sản xuất.
C. Chức năng thước đo giá trị. D. Chức năng thông tin.

Câu 7: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu, chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả theo từng đối tượng. B. Hoàn trả trực tiếp.
C. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế. D. Không hoàn trả trực tiếp.

Câu 8: Anh K là chủ của một công ty chuyên sản xuất hàng may mặc, hàng ngày anh đến công ty giám sát và hướng dẫn nhân viên cách làm ra sản phẩm chuẩn. Sản phẩm của công ty anh K được rất nhiều người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Trong trường hợp trên, anh tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

- A. Chủ thể trung gian. B. Chủ thể nhà nước.
C. Chủ thể sản xuất. D. Chủ thể tiêu dùng.

Câu 9: Hiện nay, nhiều nơi ở tỉnh K người nông dân bỏ tiêu trồng chanh dây xuất khẩu vì loại cây này có giá cao trên thị trường. Trong trường hợp này, người nông dân đã căn cứ vào chức năng nào của thị trường để chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

- A. Chức năng thừa nhận. B. Chức năng điều tiết sản xuất.
C. Chức năng thông tin. D. Chức năng thước đo giá trị.

Câu 10: Giá cả thị trường là

- A. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.
- B. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi người bán trong từng thời điểm cụ thể.
- C. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được quy định bởi người bán.
- D. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi nhà nước trong từng giai đoạn nhất định.

Câu 11: Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là?

- A. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
- B. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
- C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh
- D. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.

Câu 12: Việc các nhà phân phối hàng hóa mua, trữ hàng và bán lại cho các đại lí hoặc nhà bán lẻ giúp lưu thông hàng hóa hiệu quả thể hiện đặc điểm của chủ thể nào trong nền kinh tế.

- A. Chủ thể tiêu dùng.
- B. Chủ thể nhà nước.
- C. Chủ thể trung gian.
- D. Chủ thể sản xuất.

Câu 13: Để thu được nhiều lợi nhuận, cửa hàng X đã nhập một số hàng hóa không rõ nguồn gốc rồi dán nhãn mác giả vào. Việc làm của cửa hàng X thể hiện nhược điểm gì của cơ chế thị trường?

- A. Khủng hoảng, suy thoái, đầu cơ tích trữ.
- B. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.
- C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh.
- D. Tiềm ẩn rủi ro, gây rối loạn thị trường.

Câu 14: Trong nền kinh tế của nước ta, đâu là hoạt động cơ bản đóng vai trò quyết định các hoạt động còn lại?

- A. Hoạt động trao đổi.
- B. Hoạt động phân phối.
- C. Hoạt động sản xuất.
- D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 15: Phân phối-trao đổi là hoạt động có vai trò

- A. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.
- B. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
- C. là động lực kích thích người lao động.
- D. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp.

Câu 16: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở pháp lí nào ?

- A. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước.
- B. Luật Bồi thường nhà nước.
- C. Luật Ngân sách nhà nước.
- D. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Câu 17: Chủ thể nào sau đây có quyền sở hữu các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Nhà nước.
- C. Chủ tịch Quốc hội.
- D. Thủ tướng chính phủ.

Câu 18: Việc con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt là hoạt động kinh tế nào?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động tiêu dùng.
- C. Hoạt động phân phối.
- D. Hoạt động trao đổi.

Câu 19: Quan điểm nào dưới đây đúng về ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoản thời gian nhất định.
- B. Ngân sách nhà nước là công cụ duy nhất để Nhà nước quản lí, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp để chi dùng cho các mục đích đã có trong kế hoạch.
- D. Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia để dự phòng thiên tai, dịch bệnh.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ, sinh viên sư phạm được miễn học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/ tháng. Chính sách này đã tạo điều kiện cho nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vào học ngành sư phạm theo sở thích để phát huy năng lực của mình. Bên cạnh việc được

hướng chính sách hỗ trợ của nhà nước, các sinh viên còn biết lập kế hoạch tài chính cá nhân để đảm bảo cuộc sống và điều kiện học tập thông qua việc xác định mục tiêu, tình hình tài chính, thiết lập quy tắc thu chi và tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.

Câu 21: Nguồn hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm trong thông tin trên được trích từ

- A. quỹ nhân đạo của địa phương.
- B. ngân hàng thương mại.
- C. quỹ tài chính của nhà trường.
- D. ngân sách nhà nước.

Câu 22: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện tầm quan trọng về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của sinh viên trong thông tin nêu trên?

- A. Chủ động về tài chính của bản thân.
- B. Dự phòng tài chính giúp tự chủ trong cuộc sống.
- C. Cân đối được các khoản chi cần thiết.
- D. Cắt các khoản chi thiết yếu để đầu tư cho học tập.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản phẩm thời trang của một doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận do mẫu mã đẹp chất lượng tốt. Trước sự cạnh tranh gay gắt của các hãng thời trang khác, doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhằm duy trì hoạt động, doanh nghiệp đã sử dụng nhãn mác của một thương hiệu thời trang nổi tiếng khác gắn vào sản phẩm của mình và đưa ra thị trường tiêu thụ.

- a) Sản phẩm của doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.
- b) Việc doanh nghiệp sử dụng nhãn mác của thương hiệu nổi tiếng gắn vào sản phẩm của mình trong thông tin là phù hợp.
- c) Để giải quyết tình trạng khó khăn trong bối cảnh trên, doanh nghiệp cần tiến hành mở rộng quy mô sản xuất.
- d) Doanh nghiệp trên là chủ thể trung gian trong nền kinh tế đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước, được lập, phê chuẩn và thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quản lý quốc gia. Nguồn thu ngân sách nhà nước chủ yếu từ các loại thuế, phí, lệ phí, lợi nhuận từ các doanh nghiệp nhà nước, và các khoản vay trong và ngoài nước. Các khoản chi ngân sách chủ yếu để phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng và trả nợ công.

- a) Ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản chi cho giáo dục và y tế.
- b) Ngân sách nhà nước được tạo thành từ các khoản thu như thuế, phí, và lệ phí.
- c) Chi ngân sách nhà nước bao gồm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và trả nợ công.
- d) Tất cả các khoản thu của ngân sách nhà nước đều là từ vay nợ nước ngoài.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến dược liệu liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo hợp đồng, công ty đầu tư vốn ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho các hộ gia đình với mức giá cố định. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, nhờ đó doanh thu không ngừng tăng, tiền thuế nộp cho nhà nước ngày càng nhiều, các hộ gia đình được cải thiện về thu nhập. Tuy nhiên, khi giá cả sản phẩm dược liệu tăng lên, một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp dược liệu cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn.

- a) Trong thông tin, một số hộ dân bán dược liệu cho thương lái với giá cao hơn nhằm thu nhiều lợi nhuận là việc làm đúng đắn.
- b) Các hộ gia đình tự đầu tư vốn ban đầu.
- c) Chính quyền địa phương đã thể hiện vai trò là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.
- d) Việc liên kết giữa công ty với người dân góp phần tăng thêm thu nhập là thể hiện vai trò của sản xuất kinh doanh.

----- HẾT -----

Câu 9: Thị trường có những chức năng cơ bản nào?

- A. Chức năng thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- B. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế, chức năng thừa nhận.
- C. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- D. Chức năng thừa nhận, thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.

Câu 10: Trong nền kinh tế của nước ta, đâu là hoạt động cơ bản đóng vai trò quyết định các hoạt động còn lại?

- A. Hoạt động trao đổi.
- B. Hoạt động phân phối.
- C. Hoạt động sản xuất.
- D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 11: Bà T mang rau sạch nhà trồng ra bán, được nhiều người lựa chọn và tranh nhau mua. Trong trường hợp này thị trường đã thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Chức năng thừa nhận.
- B. Chức năng thước đo giá trị.
- C. Chức năng điều tiết sản xuất.
- D. Chức năng thông tin.

Câu 12: Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế được gọi là gì?

- A. Thị trường.
- B. Cơ chế thị trường.
- C. Giá cả thị trường.
- D. Giá cả hàng hóa.

Câu 13: Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là?

- A. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
- B. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.
- C. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
- D. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh

Câu 14: Phân phối-trao đổi là hoạt động có vai trò

- A. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.
- B. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
- C. là động lực kích thích người lao động.
- D. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp.

Câu 15: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở pháp lí nào ?

- A. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước.
- B. Luật Bồi thường nhà nước.
- C. Luật Ngân sách nhà nước.
- D. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Câu 16: Chủ thể nào sau đây có quyền sở hữu các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.
- D. Nhà nước.

Câu 17: Vai trò của chủ thể Nhà nước thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất và người tiêu dùng trong nền kinh tế.
- B. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- C. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.
- D. Quản lí nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lí Nhà nước về kinh tế.

Câu 18: Việc các nhà phân phối hàng hóa mua, trữ hàng và bán lại cho các đại lí hoặc nhà bán lẻ giúp lưu thông hàng hóa hiệu quả thể hiện đặc điểm của chủ thể nào trong nền kinh tế.

- A. Chủ thể tiêu dùng.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể sản xuất.
- D. Chủ thể nhà nước.

Câu 19: Anh K là chủ của một công ty chuyên sản xuất hàng may mặc, hàng ngày anh đến công ty giám sát và hướng dẫn nhân viên cách làm ra sản phẩm chuẩn. Sản phẩm của công ty anh K được rất nhiều người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Trong trường hợp trên, anh tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

- A. Chủ thể trung gian.
- B. Chủ thể nhà nước.
- C. Chủ thể sản xuất.
- D. Chủ thể tiêu dùng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ, sinh viên sư phạm được miễn học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/ tháng. Chính sách này đã tạo điều kiện cho nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vào học ngành sư phạm theo sở thích để phát huy năng lực của mình. Bên cạnh việc được

hướng chính sách hỗ trợ của nhà nước, các sinh viên còn biết lập kế hoạch tài chính cá nhân để đảm bảo cuộc sống và điều kiện học tập thông qua việc xác định mục tiêu, tình hình tài chính, thiết lập quy tắc thu chi và tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.

Câu 20: Nguồn hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm trong thông tin trên được trích từ

- A. quỹ nhân đạo của địa phương.
- B. ngân hàng thương mại.
- C. quỹ tài chính của nhà trường.
- D. ngân sách nhà nước.

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện tầm quan trọng về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của sinh viên trong thông tin nêu trên?

- A. Dự phòng tài chính giúp tự chủ trong cuộc sống.
- B. Cắt các khoản chi thiết yếu để đầu tư cho học tập.
- C. Chủ động về tài chính của bản thân.
- D. Cân đối được các khoản chi cần thiết.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản phẩm thời trang của một doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận do mẫu mã đẹp chất lượng tốt. Trước sự cạnh tranh gay gắt của các hãng thời trang khác, doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhằm duy trì hoạt động, doanh nghiệp đã sử dụng nhãn mác của một thương hiệu thời trang nổi tiếng khác gắn vào sản phẩm của mình và đưa ra thị trường tiêu thụ.

- a) Sản phẩm của doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.
- b) Doanh nghiệp trên là chủ thể trung gian trong nền kinh tế đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.
- c) Việc doanh nghiệp sử dụng nhãn mác của thương hiệu nổi tiếng gắn vào sản phẩm của mình trong thông tin là phù hợp.
- d) Để giải quyết tình trạng khó khăn trong bối cảnh trên, doanh nghiệp cần tiến hành mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước, được lập, phê chuẩn và thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quản lý quốc gia. Nguồn thu ngân sách nhà nước chủ yếu từ các loại thuế, phí, lệ phí, lợi nhuận từ các doanh nghiệp nhà nước, và các khoản vay trong và ngoài nước. Các khoản chi ngân sách chủ yếu để phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng và trả nợ công.

- a) Ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản chi cho giáo dục và y tế.
- b) Ngân sách nhà nước được tạo thành từ các khoản thu như thuế, phí, và lệ phí.
- c) Chi ngân sách nhà nước bao gồm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và trả nợ công.
- d) Tất cả các khoản thu của ngân sách nhà nước đều là từ vay nợ nước ngoài.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến dược liệu liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo hợp đồng, công ty đầu tư vốn ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho các hộ gia đình với mức giá cố định. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, nhờ đó doanh thu không ngừng tăng, tiền thuế nộp cho nhà nước ngày càng nhiều, các hộ gia đình được cải thiện về thu nhập. Tuy nhiên, khi giá cả sản phẩm dược liệu tăng lên, một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp dược liệu cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn.

- a) Chính quyền địa phương đã thể hiện vai trò là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.
- b) Việc liên kết giữa công ty với người dân góp phần tăng thêm thu nhập là thể hiện vai trò của sản xuất kinh doanh.
- c) Trong thông tin, một số hộ dân bán dược liệu cho thương lái với giá cao hơn nhằm thu nhiều lợi nhuận là việc làm đúng đắn.
- d) Các hộ gia đình tự đầu tư vốn ban đầu.

----- HẾT -----

Mã đề: 104

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Một trong những ưu điểm của cơ chế thị trường là?

- A. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
- B. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.
- C. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
- D. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh

Câu 2: Để thu được nhiều lợi nhuận, cửa hàng X đã nhập một số hàng hóa không rõ nguồn gốc rồi dán nhãn mác giả vào. Việc làm của cửa hàng X thể hiện nhược điểm gì của cơ chế thị trường?

- A. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh.
- B. Tiềm ẩn rủi ro, gây rối loạn thị trường.
- C. Khủng hoảng, suy thoái, đầu cơ tích trữ.
- D. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa trong xã hội.

Câu 3: Thị trường có những chức năng cơ bản nào?

- A. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế, chức năng thừa nhận.
- B. Chức năng thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- C. Chức năng thừa nhận, thông tin, điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.
- D. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

Câu 4: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu, chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp.
- B. Không hoàn trả trực tiếp.
- C. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.
- D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 5: Hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là gì?

- A. Hoạt động tiêu dùng.
- B. Hoạt động sản xuất.
- C. Hoạt động phân phối.
- D. Hoạt động trao đổi.

Câu 6: Trong nền kinh tế của nước ta, đâu là hoạt động cơ bản đóng vai trò quyết định các hoạt động còn lại?

- A. Hoạt động phân phối.
- B. Hoạt động tiêu dùng.
- C. Hoạt động trao đổi.
- D. Hoạt động sản xuất.

Câu 7: Việc con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt là hoạt động kinh tế nào?

- A. Hoạt động phân phối.
- B. Hoạt động sản xuất.
- C. Hoạt động trao đổi.
- D. Hoạt động tiêu dùng.

Câu 8: Việc các nhà phân phối hàng hóa mua, trữ hàng và bán lại cho các đại lí hoặc nhà bán lẻ giúp lưu thông hàng hóa hiệu quả thể hiện đặc điểm của chủ thể nào trong nền kinh tế.

- A. Chủ thể tiêu dùng.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể sản xuất.
- D. Chủ thể nhà nước.

Câu 9: Hiện nay, nhiều nơi ở tỉnh K người nông dân bỏ tiêu trồng chanh dây xuất khẩu vì loại cây này có giá cao trên thị trường. Trong trường hợp này, người nông dân đã căn cứ vào chức năng nào của thị trường để chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

- A. Chức năng thừa nhận.
- B. Chức năng thông tin.
- C. Chức năng điều tiết sản xuất.
- D. Chức năng thước đo giá trị.

Câu 10: Bà T mang rau sạch nhà trồng ra bán, được nhiều người lựa chọn và tranh nhau mua. Trong trường hợp này thị trường đã thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Chức năng thừa nhận.
- B. Chức năng thước đo giá trị.
- C. Chức năng điều tiết sản xuất.
- D. Chức năng thông tin.

Câu 11: Phân phối-trao đổi là hoạt động có vai trò

- A. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.
- B. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
- C. là động lực kích thích người lao động.
- D. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp.

Câu 12: Anh K là chủ của một công ty chuyên sản xuất hàng may mặc, hàng ngày anh đến công ty giám sát và hướng dẫn nhân viên cách làm ra sản phẩm chuẩn. Sản phẩm của công ty anh K được rất nhiều người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Trong trường hợp trên, anh tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

- A. Chủ thể trung gian.
- B. Chủ thể nhà nước.
- C. Chủ thể sản xuất.
- D. Chủ thể tiêu dùng.

Câu 13: Điều là nhận định **sai** khi nói về thị trường?

- A. Người mua, người bán là một trong những nhân tố của thị trường.
- B. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán.
- C. Là lĩnh vực trao đổi mua bán.
- D. Chỉ có người tiêu dùng mới cần đến thị trường.

Câu 14: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở pháp lí nào ?

- A. Luật Ngân sách nhà nước.
- B. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước
- C. Luật Bồi thường nhà nước.
- D. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Câu 15: Chủ thể nào sau đây có quyền sở hữu các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Thủ tướng chính phủ.
- C. Chủ tịch Quốc hội.
- D. Nhà nước.

Câu 16: Quan điểm nào dưới đây đúng về ngân sách nhà nước ?

A. Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp để chi dùng cho các mục đích đã có trong kế hoạch.

B. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoản thời gian nhất định.

C. Ngân sách nhà nước là công cụ duy nhất để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội.

D. Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia để dự phòng thiên tai, dịch bệnh.

Câu 17: Giá cả thị trường là

A. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi nhà nước trong từng giai đoạn nhất định.

B. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.

C. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được quy định bởi người bán.

D. số tiền phải trả cho một hàng hoá được quy định bởi người bán trong từng thời điểm cụ thể.

Câu 18: Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế được gọi là gì?

- A. Thị trường.
- B. Cơ chế thị trường.
- C. Giá cả thị trường.
- D. Giá cả hàng hóa.

Câu 19: Vai trò của chủ thể Nhà nước thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất và người tiêu dùng trong nền kinh tế.

B. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

C. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.

D. Quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ, sinh viên sư phạm được miễn học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/ tháng. Chính sách này đã tạo điều kiện cho nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vào học ngành sư phạm theo sở thích để phát huy năng lực của mình. Bên cạnh việc được

hướng chính sách hỗ trợ của nhà nước, các sinh viên còn biết lập kế hoạch tài chính cá nhân để đảm bảo cuộc sống và điều kiện học tập thông qua việc xác định mục tiêu, tình hình tài chính, thiết lập quy tắc thu chi và tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.

Câu 20: Nguồn hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm trong thông tin trên được trích từ

- A. quỹ tài chính của nhà trường.
- B. ngân hàng thương mại.
- C. ngân sách nhà nước.
- D. quỹ nhân đạo của địa phương

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện tầm quan trọng về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của sinh viên trong thông tin nêu trên?

- A. Chủ động về tài chính của bản thân.
- B. Cắt các khoản chi thiết yếu để đầu tư cho học tập.
- C. Cân đối được các khoản chi cần thiết.
- D. Dự phòng tài chính giúp tự chủ trong cuộc sống.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước, được lập, phê chuẩn và thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quản lý quốc gia. Nguồn thu ngân sách nhà nước chủ yếu từ các loại thuế, phí, lệ phí, lợi nhuận từ các doanh nghiệp nhà nước, và các khoản vay trong và ngoài nước. Các khoản chi ngân sách chủ yếu để phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng và trả nợ công.

- a) Ngân sách nhà nước được tạo thành từ các khoản thu như thuế, phí, và lệ phí.
- b) Tất cả các khoản thu của ngân sách nhà nước đều là từ vay nợ nước ngoài.
- c) Ngân sách nhà nước không bao gồm các khoản chi cho giáo dục và y tế.
- d) Chi ngân sách nhà nước bao gồm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và trả nợ công.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản phẩm thời trang của một doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận do mẫu mã đẹp chất lượng tốt. Trước sự cạnh tranh gay gắt của các hãng thời trang khác, doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhằm duy trì hoạt động, doanh nghiệp đã sử dụng nhãn mác của một thương hiệu thời trang nổi tiếng khác gắn vào sản phẩm của mình và đưa ra thị trường tiêu thụ.

- a) Doanh nghiệp trên là chủ thể trung gian trong nền kinh tế đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.
- b) Để giải quyết tình trạng khó khăn trong bối cảnh trên, doanh nghiệp cần tiến hành mở rộng quy mô sản xuất.
- c) Sản phẩm của doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.
- d) Việc doanh nghiệp sử dụng nhãn mác của thương hiệu nổi tiếng gắn vào sản phẩm của mình trong thông tin là phù hợp.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến dược liệu liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo hợp đồng, công ty đầu tư vốn ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho các hộ gia đình với mức giá cố định. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, nhờ đó doanh thu không ngừng tăng, tiền thuế nộp cho nhà nước ngày càng nhiều, các hộ gia đình được cải thiện về thu nhập. Tuy nhiên, khi giá cả sản phẩm dược liệu tăng lên, một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp dược liệu cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn.

- a) Việc liên kết giữa công ty với người dân góp phần tăng thêm thu nhập là thể hiện vai trò của sản xuất kinh doanh.
- b) Chính quyền địa phương đã thể hiện vai trò là chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.
- c) Trong thông tin, một số hộ dân bán dược liệu cho thương lái với giá cao hơn nhằm thu nhiều lợi nhuận là việc làm đúng đắn.
- d) Các hộ gia đình tự đầu tư vốn ban đầu.

----- HẾT -----

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		121	122	123	124	
<p>I</p> <p>- Tổng điểm: 7,0đ/21 câu</p> <p>- Mỗi câu đúng được 0,33đ</p>	1	B	D	A	A	
	2	C	D	D	A	
	3	D	A	C	C	
	4	A	B	D	B	
	5	A	B	A	C	
	6	D	A	C	D	
	7	D	D	B	D	
	8	B	C	B	B	
	9	C	B	D	C	
	10	B	A	C	A	
	11	D	A	A	B	
	12	C	C	B	C	
	13	A	C	A	D	
	14	C	C	B	A	
	15	C	B	C	D	
	16	C	C	D	B	
	17	D	B	D	B	
	18	A	B	B	B	
	19	B	A	C	D	
	20	A	D	D	C	
	21	D	D	B	B	
<p>II</p> <p>- Tổng điểm: 3,0đ/3 câu</p> <p>- Mỗi câu có 4 ý</p> <p>+ 1/4 ý: 0,1đ</p> <p>+ 2/4 ý: 0,25đ</p> <p>+ 3/4 ý: 0,5đ</p> <p>+ 4/4 ý: 1,0đ</p>	1	a)	Đ	Đ	Đ	Đ
		b)	Đ	Đ	S	S
		c)	S	Đ	Đ	S
		d)	S	S	Đ	Đ
	2	a)	S	S	S	S
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	S	Đ	Đ	Đ
		d)	S	S	S	Đ
	3	a)	Đ	S	S	Đ
		b)	Đ	S	Đ	S
		c)	Đ	S	S	S
		d)	S	Đ	S	S

----- HẾT -----

Tổ trưởng chuyên môn

Kon Tum, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Giáo viên ra đề

Dương Đức Trí

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hóa, qua đó thu được lợi ích tối đa được gọi là

- A. Đối đầu. B. Đấu tranh. C. Đối kháng. D. Cạnh tranh.

Câu 2: Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hóa

- A. đơn điệu về mẫu mã; chủng loại, chất lượng kém; giá thành cao.
B. giá thành cao; đơn điệu về mẫu mã, chủng loại; chất lượng tốt.
C. chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại; giá thành cao.
D. chất lượng tốt; phong phú về mẫu mã, chủng loại; giá cả hợp lý

Câu 3: Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Vào thời điểm gần Tết Trung thu năm 2022, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường. Lượng cung bánh Trung thu cho thị trường ở nước ta năm 2022 **không** bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Chính sách của nhà nước. B. Giá bán sản phẩm.
C. Số lượng người tham gia cung ứng. D. Trình độ công nghệ sản xuất.

Câu 4: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh lành mạnh?

- *Trường hợp 1.* Khi quảng cáo sản phẩm, doanh nghiệp B luôn đưa ra thông tin khuếch đại ưu điểm sản phẩm của mình so với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác đang bán trên thị trường.
- *Trường hợp 2.* Do có tiềm năng về tài chính, doanh nghiệp C quyết định bán phá giá sản phẩm của mình với giá thành thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường để loại bỏ các đối thủ cạnh tranh.
- *Trường hợp 3.* Công ty T tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.
- *Trường hợp 4.* Tổng công ty may H đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Công ty T (trong trường hợp 3).
B. Doanh nghiệp B (trong trường hợp 1).
C. Doanh nghiệp C (trong trường hợp 2).
D. Công ty H (trong trường hợp 4).

Câu 5: Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

- A. Nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
B. Nguồn cung lao động nhỏ hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
C. Cán cân cung - cầu lao động được giữ ở mức cân bằng và ổn định.
D. Có sự cân bằng giữa nguồn cung lao động với nhu cầu tuyển dụng.

Câu 6: Trong nền kinh tế thị trường, lượng cung có tác động như thế nào đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ?

- A. Xác định cơ cấu của cầu. B. Kích thích lượng cầu.
C. Không có tác động gì đến cầu. D. Xác định khối lượng của cầu.

Câu 13: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả thị trường giảm xuống thì các doanh nghiệp thường có xu hướng

- A. mở rộng quy mô sản xuất.
- B. thu hẹp quy mô sản xuất.
- C. tăng khối lượng cung hàng hóa.
- D. tăng giá trị cá biệt của hàng hóa.

Câu 14: Tình trạng thất nghiệp làm cho cuộc sống người lao động trở nên khó khăn, đời sống tinh thần bất ổn, lo âu. Nhằm giúp người lao động vượt đi một phần khó khăn, tìm được nguồn sinh kế mới, Nhà nước thực hiện trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc, trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai.

- A. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.
- B. Hỗ trợ kinh phí đào tạo và tái đào tạo người lao động; khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp.
- C. Trợ cấp cho người lao động bị thất nghiệp/ người lao động đang tạm thời ngưng việc.
- D. Hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ.

Câu 15: Tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. Lạm phát.
- B. Khủng hoảng.
- C. Suy thoái.
- D. Tăng trưởng.

Câu 16: Nhận định nào sau đây là đúng khi bàn về vấn đề: lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Quy mô dân số là nhân tố duy nhất ảnh hưởng đến lượng cầu.
- B. Mọi nhu cầu của người tiêu dùng đều được coi là cầu.
- C. Giá bán sản phẩm không ảnh hưởng gì đến lượng cầu hàng hóa.
- D. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu trên thị trường.

Câu 17: Thị trường việc làm kết nối cung - cầu lao động trên thị trường thông qua nhiều hình thức, ngoại trừ

- A. các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm.
- B. các phiên giao dịch việc làm.
- C. thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- D. mở các trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên.

Câu 18: Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Thu nhập của người tiêu dùng.
- B. Số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.
- C. Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- D. Giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Câu 19: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh kinh tế?

- A. Các chủ thể kinh tế luôn giành giật những điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận cao nhất.
- B. Tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- C. Sự tương đồng về chất lượng sản phẩm và điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế.
- D. Các chủ thể kinh tế có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra chất lượng sản phẩm khác nhau.

Câu 20: Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Tồn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- B. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.
- C. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- D. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.

Câu 21: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh **không** lành mạnh?

- Trường hợp 1. Công ty D tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

- Trường hợp 2. Công ty M luôn quan tâm đến việc tạo sự thân thiện, tin tưởng của khách hàng thông qua việc cung cấp sản phẩm có chất lượng cao kết hợp với quan tâm, chăm sóc, ưu đãi khách hàng.

- Trường hợp 3. Tổng công ty may V đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Doanh nghiệp A, công ty M và công ty V.
- B. Công ty M (trong trường hợp 2).
- C. Tổng công ty may V (trong trường hợp 3).
- D. Công ty D (trong trường hợp 1).

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Trong một quốc gia, chính phủ quyết định tăng chi tiêu công để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang suy thoái. Đồng thời, ngân hàng trung ương giảm lãi suất để khuyến khích đầu tư và tiêu dùng. Tuy nhiên, sau một thời gian, nền kinh tế bắt đầu gặp phải tình trạng lạm phát cao.

- a. Giảm lãi suất bởi ngân hàng trung ương thường có thể làm giảm lạm phát vì người tiêu dùng sẽ ít vay mượn hơn và tiêu dùng giảm.
- b. Lạm phát cao có thể làm giảm sức mua của tiền tệ, khiến giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng lên, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng.
- c. Lạm phát không ảnh hưởng đến các hợp đồng dài hạn với mức giá cố định vì giá cả đã được định sẵn và không thay đổi.
- d. Khi chính phủ tăng chi tiêu công mà không tăng thuế, việc này có thể dẫn đến lạm phát do tăng lượng tiền trong nền kinh tế mà không kèm theo sự tăng trưởng tương ứng trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Câu 2: Thị trường lao động Việt Nam sẽ nổi lên 4 xu hướng, gồm: gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; chuyển dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm; lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; gia tăng "khởi nghiệp, tự tạo việc làm". Bên cạnh đó, việc đầu tư máy móc, công nghệ sẽ dần phổ biến; dự báo có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong thị trường lao động theo hướng từ nguồn nhân lực giá rẻ, trình độ thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao.

- a. Kỹ năng ngoại ngữ không cần thiết nếu người lao động chỉ muốn làm việc trong nước.
- b. Lao động giản đơn sẽ luôn có nhu cầu cao vì nhiều ngành công nghiệp vẫn cần nhân lực phổ thông.
- c. Để đáp ứng thị trường lao động hiện nay, người lao động cần trang bị kỹ năng mềm và kiến thức công nghệ thông tin để tăng cơ hội làm việc trong các lĩnh vực hiện đại.
- d. Không cần định hướng nghề nghiệp sớm, vì ai cũng có thể tìm được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Câu 3: Em hãy lựa chọn đúng, sai cho các nhận xét sau.

- a. Việc làm chính thức bao gồm các công việc toàn thời gian và có thể được pháp luật quy định rõ về điều kiện làm việc và mức lương.
- b. Thị trường lao động chỉ bao gồm người lao động đang tìm việc và người đang làm việc, không tính những người đã ngừng tìm việc hoặc không tham gia vào lực lượng lao động.
- c. Thị trường việc làm chỉ bao gồm các phiên giao dịch việc làm và không liên quan đến các trung tâm môi giới việc làm hay các phương tiện thông tin đại chúng.
- d. Thị trường lao động hoạt động hiệu quả khi có sự cân bằng giữa cung và cầu lao động, với sự đảm bảo quyền tự do mua và bán sức lao động được pháp luật bảo vệ.

----- HẾT -----

- Trường hợp 4. Tổng công ty may H đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

A. Công ty H (trong trường hợp 4).

B. Công ty T (trong trường hợp 3).

C. Doanh nghiệp B (trong trường hợp 1).

D. Doanh nghiệp C (trong trường hợp 2).

Câu 8: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả thị trường giảm xuống thì các doanh nghiệp thường có xu hướng

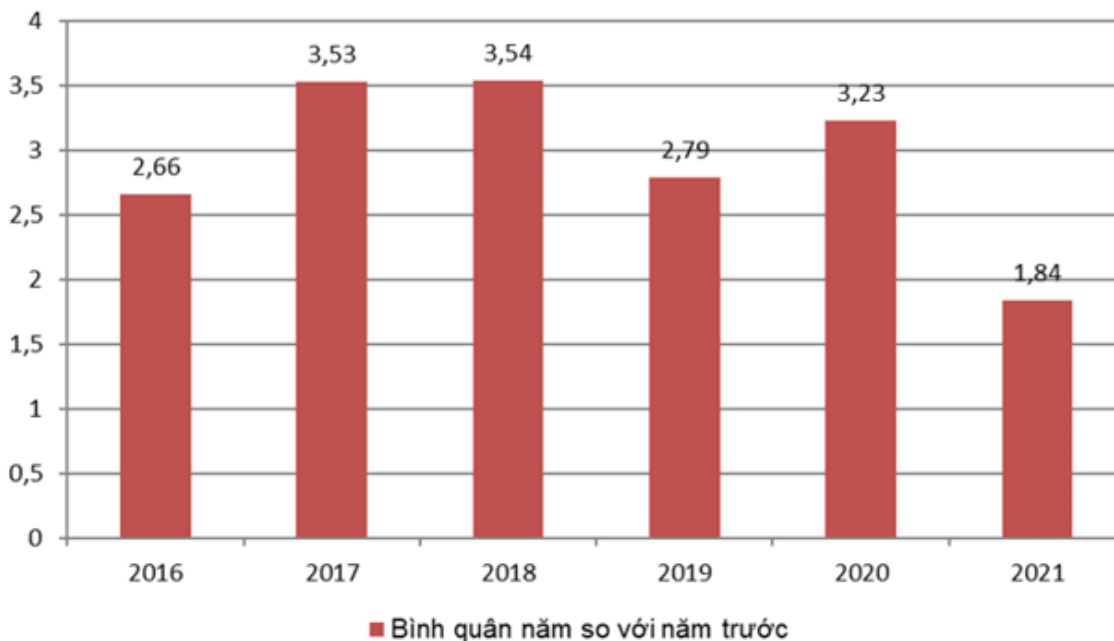
A. tăng khối lượng cung hàng hóa.

B. thu hẹp quy mô sản xuất.

C. tăng giá trị cá biệt của hàng hóa.

D. mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 9: Quan sát biểu đồ dưới đây và cho biết: trong giai đoạn 2016 - 2021, ở Việt Nam tình trạng lạm phát ở mức độ như thế nào?



Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn từ 2016 - 2021

A. Lạm phát phi mã.

B. Siêu lạm phát.

C. Lạm phát vừa phải.

D. Lạm phát nghiêm trọng.

Câu 10: Tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

A. Tăng trưởng.

B. Suy thoái.

C. Lạm phát.

D. Khủng hoảng.

Câu 11: Nhận định nào sau đây là đúng khi bàn về vấn đề: lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

A. Giá bán sản phẩm không ảnh hưởng gì đến lượng cầu hàng hóa.

B. Quy mô dân số là nhân tố duy nhất ảnh hưởng đến lượng cầu.

C. Mọi nhu cầu của người tiêu dùng đều được coi là cầu.

D. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu trên thị trường.

Câu 12: Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

A. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

B. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.

C. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

D. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.

Câu 13: Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

A. Có sự cân bằng giữa nguồn cung lao động với nhu cầu tuyển dụng.

B. Nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.

C. Nguồn cung lao động nhỏ hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.

D. Cán cân cung - cầu lao động được giữ ở mức cân bằng và ổn định.

Câu 14: Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.
- B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- C. Tồn tại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- D. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.

Câu 15: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh kinh tế?

- A. Sự tương đồng về chất lượng sản phẩm và điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế.
- B. Các chủ thể kinh tế luôn giành giật những điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận cao nhất.
- C. Tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- D. Các chủ thể kinh tế có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra chất lượng sản phẩm khác nhau.

Câu 16: Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng.
- C. Giá cả hàng hóa, dịch vụ.
- D. Số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.

Câu 17: Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Vào thời điểm gần Tết Trung thu năm 2022, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường. Lượng cung bánh Trung thu cho thị trường ở nước ta năm 2022 **không** bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Giá bán sản phẩm.
- B. Số lượng người tham gia cung ứng.
- C. Chính sách của nhà nước.
- D. Trình độ công nghệ sản xuất.

Câu 18: Một trong những xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường ở Việt Nam hiện nay là

- A. Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với phát triển kỹ năng mềm.
- B. gia tăng tuyển dụng các ngành/ nghề lao động giản đơn.
- C. xu hướng lao động “phi chính thức” sụt giảm mạnh mẽ.
- D. Giảm số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ.

Câu 19: Tình trạng thất nghiệp làm cho cuộc sống người lao động trở nên khó khăn, đời sống tinh thần bất ổn, lo âu. Nhằm giúp người lao động vượt đi một phần khó khăn, tìm được nguồn sinh kế mới, Nhà nước thực hiện trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc, trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai.

- A. Hỗ trợ kinh phí đào tạo và tái đào tạo người lao động; khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp.
- B. Hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ.
- C. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.
- D. Trợ cấp cho người lao động bị thất nghiệp/ người lao động đang tạm thời ngưng việc.

Câu 20: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hóa, qua đó thu được lợi ích tối đa được gọi là

- A. Đồi đầu.
- B. Cạnh tranh.
- C. Đấu tranh.
- D. Đối kháng.

Câu 21: Do kinh tế thế giới suy thoái đã làm cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh. Hệ quả là người lao động trong những doanh nghiệp này bị thất nghiệp.

- A. Thất nghiệp chu kì.
- B. Thất nghiệp tự nguyện.
- C. Thất nghiệp cơ cấu.
- D. Thất nghiệp tạm thời.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Trong một quốc gia, chính phủ quyết định tăng chi tiêu công để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang suy thoái. Đồng thời, ngân hàng trung ương giảm lãi suất để khuyến khích đầu tư và tiêu dùng. Tuy nhiên, sau một thời gian, nền kinh tế bắt đầu gặp phải tình trạng lạm phát cao.

- a. Giảm lãi suất bởi ngân hàng trung ương thường có thể làm giảm lạm phát vì người tiêu dùng sẽ ít vay mượn hơn và tiêu dùng giảm.
- b. Lạm phát cao có thể làm giảm sức mua của tiền tệ, khiến giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng lên, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng.

c. Lạm phát không ảnh hưởng đến các hợp đồng dài hạn với mức giá cố định vì giá cả đã được định sẵn và không thay đổi.

d. Khi chính phủ tăng chi tiêu công mà không tăng thuế, việc này có thể dẫn đến lạm phát do tăng lượng tiền trong nền kinh tế mà không kèm theo sự tăng trưởng tương ứng trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Câu 2: Thị trường lao động Việt Nam sẽ nổi lên 4 xu hướng, gồm: gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; chuyển dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm; lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; gia tăng "khởi nghiệp, tự tạo việc làm". Bên cạnh đó, việc đầu tư máy móc, công nghệ sẽ dần phổ biến; dự báo có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong thị trường lao động theo hướng từ nguồn nhân lực giá rẻ, trình độ thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao.

a. Kỹ năng ngoại ngữ không cần thiết nếu người lao động chỉ muốn làm việc trong nước.

b. Lao động giản đơn sẽ luôn có nhu cầu cao vì nhiều ngành công nghiệp vẫn cần nhân lực phổ thông.

c. Để đáp ứng thị trường lao động hiện nay, người lao động cần trang bị kỹ năng mềm và kiến thức công nghệ thông tin để tăng cơ hội làm việc trong các lĩnh vực hiện đại.

d. Không cần định hướng nghề nghiệp sớm, vì ai cũng có thể tìm được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Câu 3: Em hãy lựa chọn đúng, sai cho các nhận xét sau.

a. Việc làm chính thức bao gồm các công việc toàn thời gian và có thể được pháp luật quy định rõ về điều kiện làm việc và mức lương.

b. Thị trường lao động chỉ bao gồm người lao động đang tìm việc và người đang làm việc, không tính những người đã ngừng tìm việc hoặc không tham gia vào lực lượng lao động.

c. Thị trường việc làm chỉ bao gồm các phiên giao dịch việc làm và không liên quan đến các trung tâm môi giới việc làm hay các phương tiện thông tin đại chúng.

d. Thị trường lao động hoạt động hiệu quả khi có sự cân bằng giữa cung và cầu lao động, với sự đảm bảo quyền tự do mua và bán sức lao động được pháp luật bảo vệ.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỉ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

- A. Có sự cân bằng giữa nguồn cung lao động với nhu cầu tuyển dụng.
- B. Nguồn cung lao động nhỏ hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
- C. Cán cân cung - cầu lao động được giữ ở mức cân bằng và ổn định.
- D. Nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.

Câu 2: Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Vào thời điểm gần Tết Trung thu năm 2022, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường. Lượng cung bánh Trung thu cho thị trường ở nước ta năm 2022 **không** bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Giá bán sản phẩm.
- B. Trình độ công nghệ sản xuất.
- C. Chính sách của nhà nước.
- D. Số lượng người tham gia cung ứng.

Câu 3: Một trong những xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường ở Việt Nam hiện nay là

- A. Giảm số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ.
- B. Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với phát triển kỹ năng mềm.
- C. xu hướng lao động "phi chính thức" sụt giảm mạnh mẽ.
- D. gia tăng tuyển dụng các ngành/ nghề lao động giản đơn.

Câu 4: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hóa, qua đó thu được lợi ích tối đa được gọi là

- A. Đấu tranh.
- B. Đối kháng.
- C. Cạnh tranh.
- D. Đối đầu.

Câu 5: Nhận định nào dưới đây là đúng khi bàn về vấn đề: cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường?

- A. Cạnh tranh chỉ diễn ra ở nơi có kinh tế thị trường phát triển.
- B. Cạnh tranh chỉ diễn ra giữa người sản xuất và người tiêu dùng.
- C. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.
- D. Cạnh tranh là phải sử dụng mọi thủ đoạn để tiêu diệt đối thủ.

Câu 6: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh **không** lành mạnh?

- *Trường hợp 1.* Công ty D tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

- *Trường hợp 2.* Công ty M luôn quan tâm đến việc tạo sự thân thiện, tin tưởng của khách hàng thông qua việc cung cấp sản phẩm có chất lượng cao kết hợp với quan tâm, chăm sóc, ưu đãi khách hàng.

- *Trường hợp 3.* Tổng công ty may V đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Công ty M (trong trường hợp 2).
- B. Tổng công ty may V (trong trường hợp 3).
- C. Công ty D (trong trường hợp 1).
- D. Doanh nghiệp A, công ty M và công ty V.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh kinh tế?

- A. Các chủ thể kinh tế luôn giành giật những điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận cao nhất.
- B. Sự tương đồng về chất lượng sản phẩm và điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế.
- C. Tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- D. Các chủ thể kinh tế có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra chất lượng sản phẩm khác nhau.

Câu 8: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh lành mạnh?

- *Trường hợp 1.* Khi quảng cáo sản phẩm, doanh nghiệp B luôn đưa ra thông tin khuếch đại ưu điểm sản phẩm của mình so với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác đang bán trên thị trường.
- *Trường hợp 2.* Do có tiềm năng về tài chính, doanh nghiệp C quyết định bán phá giá sản phẩm của mình với giá thành thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường để loại bỏ các đối thủ cạnh tranh.
- *Trường hợp 3.* Công ty T tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.
- *Trường hợp 4.* Tổng công ty may H đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Doanh nghiệp C (trong trường hợp 2).
- B. Công ty H (trong trường hợp 4).
- C. Doanh nghiệp B (trong trường hợp 1).
- D. Công ty T (trong trường hợp 3).

Câu 9: Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- B. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.
- C. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- D. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.

Câu 10: Tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. Khủng hoảng.
- B. Tăng trưởng.
- C. Lạm phát.
- D. Suy thoái.

Câu 11: Do kinh tế thế giới suy thoái đã làm cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh. Hệ quả là người lao động trong những doanh nghiệp này bị thất nghiệp.

- A. Thất nghiệp chu kì.
- B. Thất nghiệp cơ cấu.
- C. Thất nghiệp tạm thời.
- D. Thất nghiệp tự nguyện.

Câu 12: Tình trạng thất nghiệp làm cho cuộc sống người lao động trở nên khó khăn, đời sống tinh thần bất ổn, lo âu. Nhằm giúp người lao động vượt đi một phần khó khăn, tìm được nguồn sinh kế mới, Nhà nước thực hiện trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc, trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai.

- A. Hỗ trợ kinh phí đào tạo và tái đào tạo người lao động; khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp.
- B. Hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ.
- C. Trợ cấp cho người lao động bị thất nghiệp/ người lao động đang tạm thời ngưng việc.
- D. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.

Câu 13: Thị trường việc làm kết nối cung - cầu lao động trên thị trường thông qua nhiều hình thức, ngoại trừ

- A. thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- B. các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm.
- C. các phiên giao dịch việc làm.
- D. mở các trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên.

Câu 14: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả thị trường giảm xuống thì các doanh nghiệp thường có xu hướng

- A. thu hẹp quy mô sản xuất.
- B. mở rộng quy mô sản xuất.
- C. tăng giá trị cá biệt của hàng hóa.
- D. tăng khối lượng cung hàng hóa.

Câu 15: Nhận định nào sau đây là đúng khi bàn về vấn đề: lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Giá bán sản phẩm không ảnh hưởng gì đến lượng cầu hàng hóa.
- B. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu trên thị trường.
- C. Quy mô dân số là nhân tố duy nhất ảnh hưởng đến lượng cầu.
- D. Mọi nhu cầu của người tiêu dùng đều được coi là cầu.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Thị trường lao động Việt Nam sẽ nổi lên 4 xu hướng, gồm: gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; chuyên dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm; lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; gia tăng "khởi nghiệp, tự tạo việc làm". Bên cạnh đó, việc đầu tư máy móc, công nghệ sẽ dần phổ biến; dự báo có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong thị trường lao động theo hướng từ nguồn nhân lực giá rẻ, trình độ thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao.

- a. Kỹ năng ngoại ngữ không cần thiết nếu người lao động chỉ muốn làm việc trong nước.
- b. Lao động giản đơn sẽ luôn có nhu cầu cao vì nhiều ngành công nghiệp vẫn cần nhân lực phổ thông.
- c. Để đáp ứng thị trường lao động hiện nay, người lao động cần trang bị kỹ năng mềm và kiến thức công nghệ thông tin để tăng cơ hội làm việc trong các lĩnh vực hiện đại.
- d. Không cần định hướng nghề nghiệp sớm, vì ai cũng có thể tìm được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Câu 2: Em hãy lựa chọn đúng, sai cho các nhận xét sau.

- a. Việc làm chính thức bao gồm các công việc toàn thời gian và có thể được pháp luật quy định rõ về điều kiện làm việc và mức lương.
- b. Thị trường lao động chỉ bao gồm người lao động đang tìm việc và người đang làm việc, không tính những người đã ngừng tìm việc hoặc không tham gia vào lực lượng lao động.
- c. Thị trường việc làm chỉ bao gồm các phiên giao dịch việc làm và không liên quan đến các trung tâm môi giới việc làm hay các phương tiện thông tin đại chúng.
- d. Thị trường lao động hoạt động hiệu quả khi có sự cân bằng giữa cung và cầu lao động, với sự đảm bảo quyền tự do mua và bán sức lao động được pháp luật bảo vệ.

Câu 3: Trong một quốc gia, chính phủ quyết định tăng chi tiêu công để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang suy thoái. Đồng thời, ngân hàng trung ương giảm lãi suất để khuyến khích đầu tư và tiêu dùng. Tuy nhiên, sau một thời gian, nền kinh tế bắt đầu gặp phải tình trạng lạm phát cao.

- a. Giảm lãi suất bởi ngân hàng trung ương thường có thể làm giảm lạm phát vì người tiêu dùng sẽ ít vay mượn hơn và tiêu dùng giảm.
- b. Lạm phát cao có thể làm giảm sức mua của tiền tệ, khiến giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng lên, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng.
- c. Lạm phát không ảnh hưởng đến các hợp đồng dài hạn với mức giá cố định vì giá cả đã được định sẵn và không thay đổi.
- d. Khi chính phủ tăng chi tiêu công mà không tăng thuế, việc này có thể dẫn đến lạm phát do tăng lượng tiền trong nền kinh tế mà không kèm theo sự tăng trưởng tương ứng trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Một trong những xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường ở Việt Nam hiện nay là

- A. Giảm số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ.
- B. gia tăng tuyển dụng các ngành/ nghề lao động giản đơn.
- C. xu hướng lao động “phi chính thức” sụt giảm mạnh mẽ.
- D. Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với phát triển kỹ năng mềm.

Câu 2: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh kinh tế?

- A. Tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- B. Các chủ thể kinh tế luôn giành giật những điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận cao nhất.
- C. Sự tương đồng về chất lượng sản phẩm và điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế.
- D. Các chủ thể kinh tế có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra chất lượng sản phẩm khác nhau.

Câu 3: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả thị trường giảm xuống thì các doanh nghiệp thường có xu hướng

- A. tăng khối lượng cung hàng hóa.
- B. thu hẹp quy mô sản xuất.
- C. tăng giá trị cá biệt của hàng hóa.
- D. mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 4: Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trường hợp. Vào thời điểm gần Tết Trung thu năm 2022, thị trường bánh trung thu trở nên sôi động. Nhu cầu đa dạng về chủng loại, mẫu mã bánh trung thu và xu thế tăng giá bán là những yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất tập trung nguồn lực cho sản phẩm này. Ngoài số doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn chuyển sang làm bánh trung thu theo thời vụ, nhiều cơ sở sản xuất theo kiểu thủ công, qui mô nhỏ hơn, như các hộ cá thể trong các làng nghề truyền thống cũng gia nhập thị trường. Lượng cung bánh Trung thu cho thị trường ở nước ta năm 2022 **không** bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Giá bán sản phẩm.
- B. Chính sách của nhà nước.
- C. Số lượng người tham gia cung ứng.
- D. Trình độ công nghệ sản xuất.

Câu 5: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh lành mạnh?

- *Trường hợp 1.* Khi quảng cáo sản phẩm, doanh nghiệp B luôn đưa ra thông tin khuếch đại ưu điểm sản phẩm của mình so với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác đang bán trên thị trường.
- *Trường hợp 2.* Do có tiềm năng về tài chính, doanh nghiệp C quyết định bán phá giá sản phẩm của mình với giá thành thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường để loại bỏ các đối thủ cạnh tranh.
- *Trường hợp 3.* Công ty T tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.
- *Trường hợp 4.* Tổng công ty may H đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Công ty T (trong trường hợp 3).
- B. Doanh nghiệp B (trong trường hợp 1).
- C. Doanh nghiệp C (trong trường hợp 2).
- D. Công ty H (trong trường hợp 4).

Câu 6: Nhận định nào sau đây là đúng khi bàn về vấn đề: lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Giá bán sản phẩm không ảnh hưởng gì đến lượng cầu hàng hóa.
- B. Quy mô dân số là nhân tố duy nhất ảnh hưởng đến lượng cầu.
- C. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu trên thị trường.
- D. Mọi nhu cầu của người tiêu dùng đều được coi là cầu.

Câu 7: Tình trạng lạm phát tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Các doanh nghiệp tăng quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.
- B. Các doanh nghiệp tăng cường tuyển dụng lao động có tay nghề cao.
- C. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, cải tiến trang thiết bị.
- D. Các doanh nghiệp giảm quy mô đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

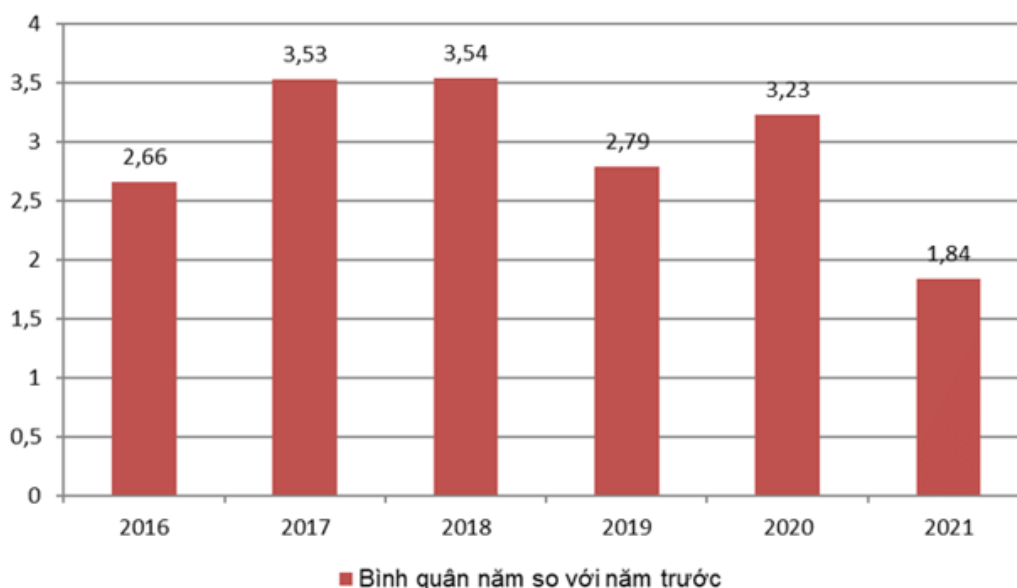
Câu 8: Thị trường việc làm kết nối cung - cầu lao động trên thị trường thông qua nhiều hình thức, **ngoại trừ**

- A. mở các trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên.
- B. thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- C. các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm.
- D. các phiên giao dịch việc làm.

Câu 9: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hóa, qua đó thu được lợi ích tối đa được gọi là

- A. Đối kháng.
- B. Đấu tranh.
- C. Đối đầu.
- D. Cạnh tranh.

Câu 10: Quan sát biểu đồ dưới đây và cho biết: trong giai đoạn 2016 - 2021, ở Việt Nam tình trạng lạm phát ở mức độ như thế nào?



Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn từ 2016 - 2021

- A. Lạm phát phi mã.
- B. Siêu lạm phát.
- C. Lạm phát vừa phải.
- D. Lạm phát nghiêm trọng.

Câu 11: Chủ thể nào trong các trường hợp dưới đây có hành vi cạnh tranh **không** lành mạnh?

- Trường hợp 1. Công ty D tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y - đối thủ cạnh tranh trực tiếp.
- Trường hợp 2. Công ty M luôn quan tâm đến việc tạo sự thân thiện, tin tưởng của khách hàng thông qua việc cung cấp sản phẩm có chất lượng cao kết hợp với quan tâm, chăm sóc, ưu đãi khách hàng.
- Trường hợp 3. Tổng công ty may V đầu tư mua sắm các thiết bị kỹ thuật may tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- A. Công ty M (trong trường hợp 2).
- B. Công ty D (trong trường hợp 1).
- C. Tổng công ty may V (trong trường hợp 3).
- D. Doanh nghiệp A, công ty M và công ty V.

Câu 12: Tình trạng thất nghiệp làm cho cuộc sống người lao động trở nên khó khăn, đời sống tinh thần bất ổn, lo âu. Nhằm giúp người lao động vượt đi một phần khó khăn, tìm được nguồn sinh kế mới, Nhà nước thực hiện trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc, trợ cấp cho người bị mất kế sinh nhai.

- A. Nghiêm cấm doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước.
- B. Hỗ trợ kinh phí đào tạo và tái đào tạo người lao động; khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp.
- C. Hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ.
- D. Trợ cấp cho người lao động bị thất nghiệp/ người lao động đang tạm thời ngưng việc.

Câu 13: Xác định nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau: *Trường hợp*. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập bình quân của người dân tăng lên. Điều này làm cho cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ thông thường của họ cũng tăng lên. Tuy nhiên, khi các hoạt động kinh tế gặp khó khăn do tác động của thiên tai và sự bất ổn của thị trường thế giới, nền kinh tế rơi vào suy thoái. Hệ quả là nhiều người mất việc làm, mức thu nhập trung bình giảm xuống. Trong bối cảnh đó, người tiêu dùng phải cân nhắc hơn trước khi mua các hàng hóa, dịch vụ.

- A. Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường.
- B. Giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- C. Thu nhập của người tiêu dùng.
- D. Tâm lý, thị hiếu của người tiêu dùng.

Câu 14: Trong nền kinh tế thị trường, lượng cung có tác động như thế nào đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ?

- A. Xác định cơ cấu của cầu.
- B. Xác định khối lượng của cầu.
- C. Không có tác động gì đến cầu.
- D. Kích thích lượng cầu.

Câu 15: Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

- A. Cán cân cung - cầu lao động được giữ ở mức cân bằng và ổn định.
- B. Nguồn cung lao động nhỏ hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
- C. Có sự cân bằng giữa nguồn cung lao động với nhu cầu tuyển dụng.
- D. Nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.

Câu 16: Tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. Suy thoái.
- B. Khủng hoảng.
- C. Tăng trưởng.
- D. Lạm phát.

Câu 17: Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hóa

- A. giá thành cao; đơn điệu về mẫu mã, chủng loại; chất lượng tốt.
- B. đơn điệu về mẫu mã; chủng loại, chất lượng kém; giá thành cao.
- C. chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại; giá thành cao.
- D. chất lượng tốt; phong phú về mẫu mã, chủng loại; giá cả hợp lý

Câu 18: Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- B. Tồn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.
- C. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.
- D. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.

Câu 19: Nhận định nào dưới đây là đúng khi bàn về vấn đề: cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường?

- A. Cạnh tranh chỉ diễn ra giữa người sản xuất và người tiêu dùng.
- B. Cạnh tranh là phải sử dụng mọi thủ đoạn để tiêu diệt đối thủ.
- C. Cạnh tranh chỉ diễn ra ở nơi có kinh tế thị trường phát triển.
- D. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Câu 20: Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trên thị trường?

- A. Thu nhập của người tiêu dùng.
- B. Giá cả hàng hóa, dịch vụ.
- C. Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- D. Số lượng người bán hàng hóa, dịch vụ.

Câu 21: Do kinh tế thế giới suy thoái đã làm cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh. Hệ quả là người lao động trong những doanh nghiệp này bị thất nghiệp.

- A. Thất nghiệp tạm thời.
- B. Thất nghiệp cơ cấu.
- C. Thất nghiệp chu kỳ.
- D. Thất nghiệp tự nguyện.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Thị trường lao động Việt Nam sẽ nổi lên 4 xu hướng, gồm: gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; chuyên dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm; lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; gia tăng "khởi nghiệp, tự tạo việc làm". Bên cạnh đó, việc đầu tư máy móc, công nghệ sẽ dần phổ biến; dự báo có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong thị trường lao động theo hướng từ nguồn nhân lực giá rẻ, trình độ thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Kỹ năng ngoại ngữ không cần thiết nếu người lao động chỉ muốn làm việc trong nước.
- Lao động giản đơn sẽ luôn có nhu cầu cao vì nhiều ngành công nghiệp vẫn cần nhân lực phổ thông.
- Để đáp ứng thị trường lao động hiện nay, người lao động cần trang bị kỹ năng mềm và kiến thức công nghệ thông tin để tăng cơ hội làm việc trong các lĩnh vực hiện đại.
- Không cần định hướng nghề nghiệp sớm, vì ai cũng có thể tìm được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Câu 2: Trong một quốc gia, chính phủ quyết định tăng chi tiêu công để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang suy thoái. Đồng thời, ngân hàng trung ương giảm lãi suất để khuyến khích đầu tư và tiêu dùng. Tuy nhiên, sau một thời gian, nền kinh tế bắt đầu gặp phải tình trạng lạm phát cao.

- Giảm lãi suất bởi ngân hàng trung ương thường có thể làm giảm lạm phát vì người tiêu dùng sẽ ít vay mượn hơn và tiêu dùng giảm.
- Lạm phát cao có thể làm giảm sức mua của tiền tệ, khiến giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng lên, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng.
- Lạm phát không ảnh hưởng đến các hợp đồng dài hạn với mức giá cố định vì giá cả đã được định sẵn và không thay đổi.
- Khi chính phủ tăng chi tiêu công mà không tăng thuế, việc này có thể dẫn đến lạm phát do tăng lượng tiền trong nền kinh tế mà không kèm theo sự tăng trưởng tương ứng trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Câu 3: Em hãy lựa chọn đúng, sai cho các nhận xét sau.

- Việc làm chính thức bao gồm các công việc toàn thời gian và có thể được pháp luật quy định rõ về điều kiện làm việc và mức lương.
- Thị trường lao động chỉ bao gồm người lao động đang tìm việc và người đang làm việc, không tính những người đã ngừng tìm việc hoặc không tham gia vào lực lượng lao động.
- Thị trường việc làm chỉ bao gồm các phiên giao dịch việc làm và không liên quan đến các trung tâm môi giới việc làm hay các phương tiện thông tin đại chúng.
- Thị trường lao động hoạt động hiệu quả khi có sự cân bằng giữa cung và cầu lao động, với sự đảm bảo quyền tự do mua và bán sức lao động được pháp luật bảo vệ.

----- HẾT -----

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		111	112	113	114	
<p>I</p> <p>- Tổng điểm: 7,0đ/21 câu</p> <p>- Mỗi câu đúng được 0,33đ</p>	1	D	C	D	D	
	2	D	C	C	C	
	3	A	D	B	B	
	4	D	B	C	B	
	5	A	A	C	D	
	6	B	A	C	C	
	7	C	A	B	D	
	8	C	B	B	A	
	9	C	C	A	D	
	10	A	C	C	C	
	11	B	D	A	B	
	12	A	C	C	D	
	13	B	B	D	C	
	14	C	A	A	D	
	15	A	A	B	D	
	16	D	D	C	D	
	17	D	C	B	D	
	18	B	A	D	C	
	19	C	D	D	D	
	20	D	B	C	D	
	21	D	A	C	C	
<p>II</p> <p>- Tổng điểm: 3,0đ/3 câu</p> <p>- Mỗi câu có 4 ý</p> <p>+ 1/4 ý: 0,1đ</p> <p>+ 2/4 ý: 0,25đ</p> <p>+ 3/4 ý: 0,5đ</p> <p>+ 4/4 ý: 1,0đ</p>	1	a)	S	S	S	S
		b)	Đ	Đ	S	S
		c)	S	S	Đ	Đ
		d)	Đ	Đ	S	S
	2	a)	S	S	Đ	S
		b)	S	S	Đ	Đ
		c)	Đ	Đ	S	S
		d)	S	S	Đ	Đ
	3	a)	Đ	Đ	S	Đ
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	S	S	S	S
		d)	Đ	Đ	Đ	Đ

----- HẾT -----

Tổ trưởng chuyên môn

Dương Đức Trí

Kon Tum, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Giáo viên ra đề

Ngân Thị Hằng

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây là đúng về hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết đối với những quốc gia đang phát triển để thu hẹp khoảng cách tụt hậu.

B. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể diễn ra giữa hai quốc gia với nhau trên cơ sở cùng có lợi về kinh tế.

C. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra sự phụ thuộc và mất cân bằng về lợi ích giữa các quốc gia với nhau.

D. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, một quốc gia được lợi thì sẽ có quốc gia khác chịu thiệt về kinh tế.

Câu 2: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về hội nhập khu vực?

A. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.

B. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội.

C. Là hợp tác kí kết giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

D. Là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực.

Câu 3: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. An sinh xã hội.

B. Bảo hiểm xã hội.

C. Thượng tầng xã hội.

D. Chất lượng cuộc sống.

Câu 4: Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

A. Chính sách trợ giúp xã hội.

B. Chính sách trợ giúp việc làm.

C. Chính sách hỗ trợ nhà ở.

D. Chính sách hỗ trợ y tế.

Câu 5: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững không liên quan đến nhau.

B. Tăng trưởng kinh tế không gây ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

C. Tăng trưởng kinh tế quan trọng nhưng không đảm bảo phát triển bền vững.

D. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được phát triển bền vững.

Câu 6: Quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ quy định chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Kinh tế đối ngoại.

C. Phát triển kinh tế.

D. Hội nhập kinh tế.

Câu 7: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về bảo hiểm thất nghiệp?

A. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn.

B. Là hình thức bảo hiểm bắt buộc để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận.

C. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết.

D. Là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm.

Câu 8: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

A. Chuyển dịch việc phân phối.

B. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

C. Chuyển dịch vùng sản xuất.

D. Chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 9: Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Tổng thu nhập quốc dân.

B. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.

C. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

D. Tổng sản phẩm quốc nội.

Câu 10: Trong một cuộc thảo luận về phát triển kinh tế của một quốc gia, một nhóm học sinh đề xuất tăng cường đầu tư vào giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao năng lực của người lao động. Đề xuất của nhóm học sinh phản ánh thái độ

- A. đồng tình nhưng không có tác động đến tăng trưởng kinh tế.
- B. lạc quan nhưng không liên quan gì đến tăng trưởng kinh tế.
- C. ủng hộ và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.
- D. phản đối những hành vi cản trở sự phát triển kinh tế.

Câu 11: Sự phát triển nào dưới đây phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng?

- A. Tỷ lệ lạm phát.
- B. Phát triển kinh tế.
- C. Tăng trưởng kinh tế.
- D. Tỷ lệ thất nghiệp.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Nâng cao thu nhập người dân.
- B. Nâng cao vị thế đất nước.
- C. Thúc đẩy tăng trưởng.
- D. Gia tăng lệ thuộc nước khác.

Câu 13: Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “ lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Thỏa thuận.
- B. Cùng có lợi.
- C. Công bằng.
- D. Bình đẳng.

Câu 14: Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.
- B. tổng thu nhập quốc dân (GNI).
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.
- D. tổng thu nhập quốc nội (GDP).

Câu 15: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. thu nhập tối đa.
- B. việc làm tối thiểu.
- C. bảo hiểm tối thiểu.
- D. y tế tối thiểu.

Câu 16: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng nào dưới đây có thể giảm thiểu rủi ro và từng bước ổn định cuộc sống cho bản thân?

- A. Đối tượng yếu thế.
- B. Đối tượng có lương hưu.
- C. Đối tượng thu nhập cao.
- D. Đối tượng là nam giới.

Câu 17: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- A. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- B. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- C. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18, 19 bên dưới

Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

Câu 18: Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A. Chính sách việc làm.
- B. Chính sách bảo hiểm.
- C. Chính sách giảm nghèo.
- D. Chính sách thu nhập.

Câu 19: Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- B. Chính sách trợ giúp xã hội.
- C. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.
- D. Chính sách dịch vụ xã hội.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21 bên dưới

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đền khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 20: Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và tài trợ.
- B. Bắt buộc và tài trợ.
- C. Thất nghiệp và tự nguyện.
- D. Từ nguyện và bắt buộc.

Câu 21: Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế.
- B. Bảo hiểm dân sự.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm thương mại.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong giai đoạn 2011 - 2022. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2022, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và vùng lãnh thổ. Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- a. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ khu vực.
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng GDP hàng năm ở Việt Nam.
- c. Nước ta đang phát triển vì vậy khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam phải chấp nhận từ bỏ lợi ích của mình để hội nhập.
- d. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam đến với các thị trường trên thế giới.

Câu 2: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- a. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- b. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- c. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- d. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.

Câu 3: Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm qua thể hiện chiến lược phát triển bền vững nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường.

b. Mỗi công dân Việt Nam đều có trách nhiệm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế bền vững của Nhà nước, như sử dụng năng lượng tiết kiệm và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

c. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh hơn các nền kinh tế khác trong khu vực, đặc biệt là về GDP.

d. Mức tăng trưởng GDP 6,72% vào quý IV năm 2023 cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã khắc phục hoàn toàn các khó khăn từ đại dịch COVID-19.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Thương tầng xã hội. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Chất lượng cuộc sống. D. An sinh xã hội.

Câu 2: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. bảo hiểm tối thiểu. B. việc làm tối thiểu.
C. y tế tối thiểu. D. thu nhập tối đa.

Câu 3: Sự phát triển nào dưới đây phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng?

- A. Tỷ lệ lạm phát. B. Phát triển kinh tế.
C. Tỷ lệ thất nghiệp. D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 4: Quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ quy định chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế. B. Tăng trưởng kinh tế.
C. Kinh tế đối ngoại. D. Phát triển kinh tế.

Câu 5: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- A. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại
B. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
C. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
D. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây là đúng về hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể diễn ra giữa hai quốc gia với nhau trên cơ sở cùng có lợi về kinh tế.
B. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết đối với những quốc gia đang phát triển để thu hẹp khoảng cách tụt hậu.
C. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, một quốc gia được lợi thì sẽ có quốc gia khác chịu thiệt về kinh tế.
D. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra sự phụ thuộc và mất cân bằng về lợi ích giữa các quốc gia với nhau.

Câu 7: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch vùng sản xuất. B. Chuyển dịch việc phân phối.
C. Chuyển dịch cơ cấu ngành. D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 8: Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng thu nhập quốc dân. B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.
C. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người. D. Tổng sản phẩm quốc nội.

Câu 18: Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A. Chính sách dịch vụ xã hội.
- B. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- C. Chính sách trợ giúp xã hội.
- D. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.

Câu 19: Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A. Chính sách thu nhập.
- B. Chính sách giảm nghèo.
- C. Chính sách việc làm.
- D. Chính sách bảo hiểm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20,21 bên dưới

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đền khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 20: Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế.
- B. Bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm dân sự.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 21: Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Từ nguyện và bắt buộc.
- B. Tự nguyện và tài trợ.
- C. Thất nghiệp và tự nguyện.
- D. Bắt buộc và tài trợ.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong giai đoạn 2011 - 2022. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2022, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và vùng lãnh thổ. Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- a. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ khu vực.
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng GDP hàng năm ở Việt Nam.
- c. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam đến với các thị trường trên thế giới.
- d. Nước ta đang phát triển vì vậy khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam phải chấp nhận từ bỏ lợi ích của mình để hội nhập.

Câu 2: Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Mức tăng trưởng GDP 6,72% vào quý IV năm 2023 cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã khắc phục hoàn toàn các khó khăn từ đại dịch COVID-19.
- b. Mỗi công dân Việt Nam đều có trách nhiệm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế bền vững của Nhà nước, như sử dụng năng lượng tiết kiệm và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.
- c. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh hơn các nền kinh tế khác trong khu vực, đặc biệt là về GDP.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm qua thể hiện chiến lược phát triển bền vững nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu 3: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- a. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.
- b. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- c. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- d. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- A. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại
- B. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- C. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- D. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Câu 2: Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.
- B. Tổng sản phẩm quốc nội.
- C. Tổng thu nhập quốc dân.
- D. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.

Câu 3: Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách trợ giúp việc làm.
- B. Chính sách hỗ trợ y tế.
- C. Chính sách hỗ trợ nhà ở.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 4: Sự phát triển nào dưới đây phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng?

- A. Tỷ lệ thất nghiệp.
- B. Phát triển kinh tế.
- C. Tăng trưởng kinh tế.
- D. Tỷ lệ lạm phát.

Câu 5: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch việc phân phối.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. Chuyển dịch vùng sản xuất.
- D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 6: Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “ lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Bình đẳng.
- B. Công bằng.
- C. Cùng có lợi.
- D. Thỏa thuận.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Nâng cao thu nhập người dân.
- B. Thúc đẩy tăng trưởng.
- C. Nâng cao vị thế đất nước.
- D. Gia tăng lệ thuộc nước khác.

Câu 8: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.
- B. Thượng tầng xã hội.
- C. Bảo hiểm xã hội.
- D. Chất lượng cuộc sống.

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là đúng về hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra sự phụ thuộc và mất cân bằng về lợi ích giữa các quốc gia với nhau.
- B. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể diễn ra giữa hai quốc gia với nhau trên cơ sở cùng có lợi về kinh tế.
- C. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết đối với những quốc gia đang phát triển để thu hẹp khoảng cách tụt hậu.
- D. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, một quốc gia được lợi thì sẽ có quốc gia khác chịu thiệt về kinh tế.

Câu 10: Quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ quy định chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế.
- B. Kinh tế đối ngoại.
- C. Tăng trưởng kinh tế.
- D. Phát triển kinh tế.

Câu 11: Trong một cuộc thảo luận về phát triển kinh tế của một quốc gia, một nhóm học sinh đề xuất tăng cường đầu tư vào giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao năng lực của người lao động. Đề xuất của nhóm học sinh phản ánh thái độ

- A. lạc quan nhưng không liên quan gì đến tăng trưởng kinh tế.
- B. ủng hộ và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.
- C. phản đối những hành vi cản trở sự phát triển kinh tế.
- D. đồng tình nhưng không có tác động đến tăng trưởng kinh tế.

Câu 12: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về hội nhập khu vực?

- A. Là hợp tác kí kết giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.
- B. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.
- C. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội.
- D. Là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực.

Câu 13: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Tăng trưởng kinh tế quan trọng nhưng không đảm bảo phát triển bền vững.
- B. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững không liên quan đến nhau.
- C. Tăng trưởng kinh tế không gây ảnh hưởng đến phát triển bền vững.
- D. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được phát triển bền vững.

Câu 14: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. y tế tối thiểu.
- B. thu nhập tối đa.
- C. việc làm tối thiểu.
- D. bảo hiểm tối thiểu.

Câu 15: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về bảo hiểm thất nghiệp?

- A. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn.
- B. Là hình thức bảo hiểm bắt buộc để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận.
- C. Là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm.
- D. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết.

Câu 16: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng nào dưới đây có thể giảm thiểu rủi ro và từng bước ổn định cuộc sống cho bản thân?

- A. Đối tượng thu nhập cao.
- B. Đối tượng là nam giới.
- C. Đối tượng yếu thế.
- D. Đối tượng có lương hưu.

Câu 17: Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.
- B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.
- C. tổng thu nhập quốc dân (GNI).
- D. tổng thu nhập quốc nội (GDP).

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18,19 bên dưới

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đền khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 18: Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và tài trợ.
- B. Từ nguyện và bắt buộc.
- C. Bắt buộc và tài trợ.
- D. Thất nghiệp và tự nguyện.

Câu 19: Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm dân sự.

B. Bảo hiểm thương mại.

C. Bảo hiểm y tế.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21 bên dưới

Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

Câu 20: Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

A. Chính sách bảo hiểm xã hội.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.

D. Chính sách dịch vụ xã hội.

Câu 21: Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

A. Chính sách việc làm.

B. Chính sách thu nhập.

C. Chính sách bảo hiểm.

D. Chính sách giảm nghèo.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong giai đoạn 2011 - 2022. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2022, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và vùng lãnh thổ. Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

a. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ khu vực.

b. Hội nhập kinh tế quốc tế không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng GDP hàng năm ở Việt Nam.

c. Nước ta đang phát triển vì vậy khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam phải chấp nhận từ bỏ lợi ích của mình để hội nhập.

d. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam đến với các thị trường trên thế giới.

Câu 2: Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm qua thể hiện chiến lược phát triển bền vững nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường.

b. Mỗi công dân Việt Nam đều có trách nhiệm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế bền vững của Nhà nước, như sử dụng năng lượng tiết kiệm và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

c. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh hơn các nền kinh tế khác trong khu vực, đặc biệt là về GDP.

d. Mức tăng trưởng GDP 6,72% vào quý IV năm 2023 cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã khắc phục hoàn toàn các khó khăn từ đại dịch COVID-19.

Câu 3: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- a. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- b. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- c. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- d. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.

----- HẾT -----

Câu 9: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. Chuyển dịch việc phân phối.
- C. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.
- D. Chuyển dịch vùng sản xuất.

Câu 10: Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.
- B. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.
- C. tổng thu nhập quốc nội (GDP).
- D. tổng thu nhập quốc dân (GNI).

Câu 11: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng nào dưới đây có thể giảm thiểu rủi ro và từng bước ổn định cuộc sống cho bản thân?

- A. Đối tượng là nam giới.
- B. Đối tượng yếu thế.
- C. Đối tượng thu nhập cao.
- D. Đối tượng có lương hưu.

Câu 12: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- A. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- B. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- C. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại

Câu 13: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. y tế tối thiểu.
- B. bảo hiểm tối thiểu.
- C. việc làm tối thiểu.
- D. thu nhập tối đa.

Câu 14: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.
- B. Chất lượng cuộc sống.
- C. Bảo hiểm xã hội.
- D. Thương tầng xã hội.

Câu 15: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về hội nhập khu vực?

- A. Là hợp tác kí kết giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.
- B. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.
- C. Là quá trình liên kết giữa các quốc gia thông qua việc tham gia các tổ chức xã hội.
- D. Là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực.

Câu 16: Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “ lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Cùng có lợi.
- B. Bình đẳng.
- C. Thỏa thuận.
- D. Công bằng.

Câu 17: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về bảo hiểm thất nghiệp?

- A. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn.
- B. Là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết.
- C. Là hình thức bảo hiểm bắt buộc để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận.
- D. Là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 18, 19 bên dưới

Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm

trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỉ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

Câu 18: Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.
- B. Chính sách dịch vụ xã hội.
- C. Chính sách trợ giúp xã hội.
- D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 19: Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A. Chính sách giảm nghèo.
- B. Chính sách thu nhập.
- C. Chính sách bảo hiểm.
- D. Chính sách việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20, 21 bên dưới

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đền khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 20: Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Thất nghiệp và tự nguyện.
- B. Từ nguyện và bắt buộc.
- C. Tự nguyện và tài trợ.
- D. Bắt buộc và tài trợ.

Câu 21: Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm dân sự.
- B. Bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (3,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 3 trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, hãy chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- a. Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.
- b. Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- c. Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- d. Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Câu 2: Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm qua thể hiện chiến lược phát triển bền vững nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường.
- b. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh hơn các nền kinh tế khác trong khu vực, đặc biệt là về GDP.
- c. Mỗi công dân Việt Nam đều có trách nhiệm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế bền vững của Nhà nước, như sử dụng năng lượng tiết kiệm và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.
- d. Mức tăng trưởng GDP 6,72% vào quý IV năm 2023 cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã khắc phục hoàn toàn các khó khăn từ đại dịch COVID-19.

Câu 3: Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong giai đoạn 2011 - 2022. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2022, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và vùng lãnh thổ. Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- a. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đưa hàng hóa của Việt Nam đến với các thị trường trên thế giới.
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng GDP hàng năm ở Việt Nam.
- c. Nước ta đang phát triển vì vậy khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam phải chấp nhận từ bỏ lợi ích của mình để hội nhập.
- d. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện là thể hiện hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ khu vực.

----- HẾT -----

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		121	122	123	124	
I - Tổng điểm: 7,0đ/21 câu - Mỗi câu đúng được 0,33đ	1	B	D	A	C	
	2	D	C	C	C	
	3	A	B	D	A	
	4	A	A	B	C	
	5	D	A	B	A	
	6	D	A	C	B	
	7	D	C	D	D	
	8	D	A	A	C	
	9	A	D	B	A	
	10	C	D	A	D	
	11	B	B	B	B	
	12	D	A	D	D	
	13	B	B	D	A	
	14	B	C	A	A	
	15	D	C	C	D	
	16	A	A	C	A	
	17	D	D	C	D	
	18	A	D	B	A	
	19	C	C	C	D	
	20	D	A	C	B	
	21	A	A	A	C	
II - Tổng điểm: 3,0đ/3 câu - Mỗi câu có 4 ý + 1/4 ý: 0,1đ + 2/4 ý: 0,25đ + 3/4 ý: 0,5đ + 4/4 ý: 1,0đ	1	a)	S	S	S	Đ
		b)	S	S	S	S
		c)	S	Đ	S	S
		d)	Đ	S	Đ	S
	2	a)	S	S	Đ	Đ
		b)	S	Đ	Đ	S
		c)	S	S	S	Đ
		d)	Đ	Đ	S	S
	3	a)	Đ	Đ	S	Đ
		b)	Đ	S	S	S
		c)	S	S	S	S
		d)	S	S	Đ	S

----- HẾT -----

Tổ trưởng chuyên môn

Dương Đức Trí

Kon Tum, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Giáo viên ra đề

Ngân Thị Hằng